

Số: 06/2019/QĐST-DS

Quỳnh Phụ, ngày 08 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 09/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2019

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị K sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn TH, xã HH, huyện VB, thành phố Hải Phòng

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã AM, huyện P, tỉnh Thái Bình

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Hữu C sinh năm 1953

Địa chỉ: Thôn TT, xã E, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk

2. Ông Nguyễn Văn Ch sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn TĐ, xã AM, huyện P, tỉnh Thái Bình

3. Ông Nguyễn Văn H sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn A, xã EK, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk

4. Ông Nguyễn Đức A sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn TC, xã E, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn N và cụ Vũ Thị R gồm:

- 310m² đất ở (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 821319 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03252/QSDĐ/UB ngày 2/2/2004 của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ mang tên cụ Vũ Thị R) tại thửa số 31, tờ bản đồ số 9 địa chỉ Thôn TĐ, xã AM, huyện P, tỉnh Thái Bình, đo khảo sát thực tế diện tích còn lại là 309,9 m², có số đo các cạnh như sau: phía Bắc giáp đất anh Đoàn Văn D dài 15,90m; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn H dài 16,35m; phía Đông giáp lưu không giao thông đường DH72 dài 19,68m; phía Tây giáp đất bà Vũ Thị S dài 15,86m + 2,71m. Trị giá đất $309,9\text{m}^2 \times 2.500.000 \text{ đồng/m}^2 = 774.750.000 \text{ đồng}$ (Bảy trăm bảy mươi tư triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Các tài sản trên đất: 01 nhà ở có trị giá 2.000.000 đồng, 01 nhà bếp có giá trị 3.000.000 đồng (đều được xây trước năm 1985); 01 cây vải trị giá 1.200.000 đồng và 01 bể nước trị giá 100.000 đồng.

2.2. Di sản thừa kế trên được chia cho bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn H, mỗi người được hưởng như sau:

- Bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng phần đất giáp anh Đoàn Văn D có diện tích 144 m², có số đo các cạnh như sau: phía Bắc giáp đất anh Đoàn Văn D dài 15,90m; phía Nam giáp phần đất của ông Nguyễn Văn H được chia dài 16,32m; phía Đông giáp lưu không đường DH72 dài 9m; phía Tây giáp đất bà Vũ Thị S dài 9m và được sở hữu 01 nhà ở. Trị giá phần di sản mà bà K được hưởng là $144 \text{ m}^2 \times 2.500.000 \text{ đồng/m}^2 = 360.000.000 \text{ đồng}$ và 01 nhà ở trị giá 2.000.000 đồng. Tổng giá trị phần di sản mà bà K được chia là 362.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi hai triệu đồng).

- Ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng phần đất ở còn lại có diện tích là 165,9 m², có số đo các cạnh như sau: phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị K được chia dài 16,32; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn H dài 16,35m; phía Đông giáp lưu không giao thông đường DH72 dài 10,68m; phía Tây giáp đất bà Vũ Thị S dài 6,86m + 2,71m và 01 nhà bếp. Trị giá phần di sản mà ông H được chia là $165,9 \text{ m}^2 \times 2.500.000 \text{ đồng/m}^2 = 414.750.000 \text{ đồng}$ và 01 nhà bếp trị giá 3.000.000 đồng. Tổng giá trị phần di sản mà ông Hoan được chia là 417.750.000 đồng (Bốn trăm mười bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông H được quyền sở hữu phần nhà vệ sinh xây dựng trên diện tích đất ông

Hoan được chia (nhà vệ sinh do ông Hoan xây dựng trước năm 2012).

(Diện tích phân đất bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn H được chia có sơ đồ kèm theo)

- Đối với 01 cây vải trị giá 1.200.000 đồng và 01 bể nước trị giá 100.000 đồng, bà K và ông Hoan thỏa thuận tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Tài sản là 01 bờ tường xây, 01 cổng, 01 cây nhãn, 01 cây mít và 02 cây hòe nằm trên diện tích đất 41,1m² giáp mặt đường DH72 (chạy dọc và tiếp giáp thửa đất yêu cầu chia thừa kế, là đất lưu không đường giao thông). Các tài sản này bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn H thỏa thuận tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị K chịu 9.050.000 đồng (*Chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 1.695.000 đồng bà K đã nộp theo biên lai thu số 0003981 ngày 02/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ được chuyển thành tiền án phí. Bà K còn phải nộp tiếp 7.355.000 đồng (*Bảy triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

- Ông Nguyễn Văn H chịu 10.443.750 đồng (*Mười triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã AM, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Duyên

(Đã ký)